

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt danh mục các tập quán về hôn nhân
và gia đình được áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết phê duyệt danh mục các tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra số 648/BC-HĐND-DT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phê duyệt danh mục các tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 1. Phê duyệt danh mục các tập quán về hôn nhân và gia đình được áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

(Chi tiết tại Phụ lục danh mục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.



Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa X, Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận: Thực

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Vụ pháp chế các Bộ: Dân tộc và Tôn giáo, Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, truyền hình Đồng Nai (đưa tin và đăng Cổng Thông tin điện tử tỉnh);
- Công báo điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CTHĐND.



CHỦ TỊCH

Tôn Ngọc Hạnh





Phụ lục
BẢNG MỤC CÁC TẬP QUÁN VỀ HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
ĐƯỢC ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND)

Tập quán	Nội dung	Tập quán được áp dụng của dân tộc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
I. Tập quán về hôn nhân		
1. Lễ cưới, hỏi		
a) Tục dùng trâu cau để mở đầu câu chuyện cưới, hỏi	Tục dùng trâu cau để mở đầu câu chuyện cưới, hỏi: Đây là vật truyền thống của dân tộc Việt Nam, thắm đượm ân tình, ẩn chứa một tư tưởng phóng khoáng về tình yêu, hôn nhân, tình huyết nhục trong cộng đồng, xã hội Việt Nam.	Kinh, Hoa, Chơ Ro, Khmer, S'tiêng, Chăm, Mường, M'nông, Sán Dìu
b) Tục dùng mía, lợn làm sinh lễ dùng trong lễ cưới, hỏi	Thịt lợn và mía là lễ vật được phần lớn các gia đình vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh vẫn còn sử dụng cho đến ngày nay. Những sinh lễ này tượng trưng cho ước nguyện về một gia đình đông con cháu thành duyên vợ chồng, xây dựng hạnh phúc trăm năm với nhau. Đồng thời còn mang ý nghĩa tượng trưng cho cuộc sống may mắn và tốt đẹp.	S'tiêng, Mường, Chăm, Thái, Ba Na, Phù Lá, Gia Rai
c) Lễ mai mối (lễ giáp lời)	Gia đình nhà trai cậy nhờ người có uy tín, ăn nói khéo léo để nhờ cậy nói chuyện với gia đình nhà gái, với quan niệm tìm được người mai mối khéo léo, kết duyên thành đôi vợ chồng thì người ta tin rằng vợ chồng sẽ bền duyên cảm sắt.	Hoa, Nùng, Sán Dìu, Mạ, Tà Ôi

d) Lễ dạm ngõ	Là một nghi thức dạm đà bản sắc dân tộc Việt Nam, mang ý nghĩa sâu sắc trong hành trình xây dựng gia đình hạnh phúc. Là buổi gặp thân mật giữa cha, mẹ hoặc người lớn trong dòng tộc để tìm hiểu gia cảnh, văn hóa, con người giữa hai bên gia đình. Sau đó mới bàn tính chuyện hôn nhân của con cái. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 96/QĐ-TTg ngày 19/01/2022 về việc phê duyệt Chương trình giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Kinh, Hoa, Tày, Nùng, Sán Dìu, S'tiêng, Mông, Mông, Chăm, Dao, Thái, Thổ, Sán Chay, Cơ Ho, Si La
đ) Nghi thức giao, nhận sinh lễ	Nghi thức giao, nhận sinh lễ là một ứng xử độc đáo trong hôn nhân. Nghi thức giao sinh lễ và nhận sinh lễ là một nghi thức rất quan trọng trong lễ cưới. Nghi thức này có nhiều người chứng kiến giá trị của sinh lễ, cũng như chứng kiến sinh lễ thiếu hay đủ. Ngoài trách nhiệm của hai bên gia đình trong việc giao và nhận sinh lễ, những người chứng kiến sẽ là người bảo vệ quyền lợi của hai bên gia đình.	S'tiêng, Kinh, Tày, Nùng, Xơ Đăng, Mông, Ê đê, Ba Na, Mông, Khmer, Mông
e) Nghi thức chia thịt cưới cho cộng đồng	Chia thịt cưới (pai ta ruot) cho cộng đồng là giá trị văn hóa trong cưới hỏi, biểu hiện tính cộng đồng của vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Khi tổ chức lễ cưới, việc thân chủ chia thịt cưới cho cộng đồng; đó được xem là một sự chia ngọt sẻ bùi, thể hiện tinh thần đoàn kết.	S'tiêng, Mông, Mông, Nùng, Tày, Thái, Tà Ôi, Ê đê, Ba Na, Gia Rai
g) Lễ xuất giá đôi với nữ và lễ gia tiên (đối với nhà trai hoặc nhà gái)	Lễ này được diễn ra vào buổi tối trước ngày rước dâu. Đây là dịp cô dâu hoặc chú rể được ông, bà; cha, mẹ; cô, chú, bác...dẫn dõ, dạy dỗ những điều hay lẽ phải để đôi vợ chồng làm tròn nhiệm vụ	Kinh, Hoa, Tày

	người con trong một gia tộc. Cô dâu, chú rể thì cảm ơn công lao nuôi dưỡng của đáng sinh thành và khấn ghi lời dạy dỗ đó.	
h) Lễ đón rể (đưa rể)	Là một phong tục cưới, hỏi của vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nơi nhà trai gồm cha, mẹ và họ hàng của chú rể đưa chú rể sang nhà gái để thực hiện nghi lễ kết duyên. Mục đích của lễ này là để thông báo và khẳng định sự chính thức về việc cô dâu, chú rể đã chính thức trở thành vợ chồng trước sự chứng kiến của cả hai gia đình. Lễ đưa rể là một nghi lễ truyền thống quan trọng, mang ý nghĩa sâu sắc trong việc khẳng định sự gắn kết và chính thức hóa cuộc hôn nhân của đôi trai gái, đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững giữa hai gia đình.	Khmer, Chăm, Ê đê, Mông, Mạ, Tày, Nùng
i) Lễ đón dâu (gia đình nhà trai tổ chức; lễ đưa dâu (gia đình nhà gái tổ chức)	Khi đón dâu (đưa dâu) có sự hiện diện đầy đủ của cha, mẹ và các bậc cao niên của hai bên gia đình. Thể hiện tình cảm suí gia và khẳng định rằng đôi trai, gái giờ đây đã nên duyên vợ chồng. Nghi thức này mang ý nghĩa sâu sắc về mặt xã hội và nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc; đồng thời là biểu tượng cho sự gắn kết của dòng họ hai bên thông qua cuộc hôn nhân của đôi trẻ.	Kinh, Hoa, Nùng, Chăm, Mạ, Sán Chay, Dao, Cơ Ho, Mông, S'tiêng.
k) Lễ phân bái (lại mặt)	Cô dâu cùng chồng về nhà gái để thăm hỏi cha, mẹ sau vài ngày kể từ ngày cưới. Đây là cơ hội để đôi vợ chồng gây cảm tình, thể hiện sự hiểu biết học hỏi kinh nghiệm đối nhân xử thế, chàng rể gặp gỡ với nhiều người chưa quen bên gia đình vợ nhằm gắn chặt tình cảm giữa các thành viên trong gia đình với chàng rể mới cưới.	Kinh, Mường, Nùng, Sán Chay, Tày
2. Tục lệ sau ngày cưới		

a) Nghi thức ở rể	Ở rể không phải là điều kiện bắt buộc mà do điều kiện sinh lễ hoặc thỏa thuận khác của cả hai bên gia đình. Tục này mang ý nghĩa giúp gia đình bên vợ có thêm nhân lực lao động, gắn kết tình cảm họ hàng, đồng thời đảm bảo việc người chồng cùng vợ chăm sóc cha mẹ vợ khi tuổi già. Đây là tục lệ thể hiện sự yêu thương, giúp đỡ gia đình bên vợ; bày tỏ sự thiện chí, sự cần cù lao động của người chồng tương lai. Vì vậy, tục lệ này cần được khuyến khích và phát huy. Tập quán này đảm bảo phù hợp với một trong “Những nguyên tắc cơ bản” và “Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình” được quy định tại khoản 3 Điều 2 và Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13.	Chor Ro, Mạ, S’tiêng, Cơ Ho, Tây, Nùng, Thái, Sán Chay, Chăm, Dao, Ê đê, Gia Rai, Ba Na, Khor mú.
b) Tục làm dâu	Cô dâu thể hiện sự hiếu đạo, cùng chồng phụng dưỡng cha, mẹ chồng và là cơ hội để gắn kết tình cảm giữa nàng dâu với cha, mẹ chồng. Tập quán này đảm bảo phù hợp với một trong “Những nguyên tắc cơ bản” và “Quan hệ giữa các thành viên khác của gia đình” được quy định tại khoản 3 Điều 2 và Điều 103 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13.	Kinh, Nùng, Tây, Dao, Hoa, Mường, Thái, Khmer, Phù Lá, Co, Khor mú, Xơ Đăng, Ba Na, Sán Dìu, Mông, Ê đê, Mông, Chor Ro, S’tiêng
c) Nghi thức bảo vệ hôn nhân và gia đình; vấn đề quan hệ giữa con dâu với cha, anh của chồng; quan hệ giữa con rể với mẹ, chị của vợ; vấn đề gọi tên của vợ/chồng khi đã có con	Thỏa thuận khi xử lý khi vợ/chồng vi phạm tập quán về hôn nhân và gia đình (Luật tục/tập quán pháp).	S’tiêng, Mông, Mường, Kinh, Nùng, Hoa, Tây, Khmer

3. Tục mặc đồ truyền thống trong lễ cưới, hỏi	Mỗi vùng dân tộc có trang phục truyền thống riêng. Tục mặc trang phục truyền thống trong ngày cưới mang nhiều ý nghĩa thiêng liêng và thể hiện bản sắc riêng của từng vùng dân tộc, góp phần thể hiện nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Việc mặc đồ truyền thống trong lễ cưới cũng khẳng định sự gắn bó cộng đồng, đề thể hệ trẻ nhớ và tự hào về văn hóa của dân tộc mình. Vì vậy, việc tiếp tục lưu giữ bản sắc của dân tộc mình là nét đẹp, là truyền thống cần được khuyến khích đến thế hệ sau.	Các dân tộc trên địa bàn tỉnh
II. Tập quán về gia đình	1. Coi trọng hôn nhân bền vững Vợ chồng chung sống suốt đời. Nếu sắp xảy ra ly hôn thì họ hàng đôi bên họp lại xem lỗi do ai. Khi xảy ra tranh chấp giữa vợ chồng thì họ hàng đứng ra hòa giải, hạn chế đến mức thấp nhất việc ly hôn (nếu vẫn còn hàn gắn được). Là phong tục, quan niệm truyền thống của cộng đồng, trong đó, hôn nhân không chỉ là sự kết hợp giữa hai cá nhân mà còn là mối liên kết bền chặt giữa hai gia đình, hai dòng tộc. Ý nghĩa chính của tục này là: đề cao sự gắn bó lâu dài, vợ chồng phải thủy chung, đồng cam cộng khổ, giữ gìn mái ấm trọn đời. Vì gia đình được coi là nền tảng, hôn nhân bền vững thì xã hội mới ổn định, gắn kết; đồng thời, tập quán này đảm bảo phù hợp với một trong “Những nguyên tắc cơ bản” được quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 29/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh giáo dục, đạo đức, lối sống trong gia đình.	
2. Tục dùng vải đỏ trong ngày cưới	Trong một gia đình, nếu người em lập gia đình trước anh, chị thì trong ngày cưới, người em lấy miếng vải đỏ khoác lên vai hay ngực	Nùng, Tày, Mông, Dao, Thái

	của anh, chị hàm ý: anh, chị sẽ không lỡ thì, mất duyên. Miếng vải đó đặt lên bàn thờ, một năm sau lấy xuống bỏ đi: Điều này thể hiện sự kính trên nhường dưới, tình cảm anh, em trong gia đình vừa thể hiện tư tưởng thông thoáng, hiện đại.	
3. Tục đặt tên cho con gắn liền với văn hóa và cộng đồng	Tên thường được chọn để mang lại may mắn, sức khỏe cho đứa trẻ, như mong muốn ăn no, ngủ kỹ, hay ăn chóng lớn. Một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số tổ chức nghi lễ đặt tên; điều này thể hiện sự đùm bọc, trách nhiệm của hai bên gia đình, họ hàng trong việc chăm sóc mẹ và trẻ nhỏ, tăng cường tình thân giữa hai gia đình thông gia. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại một số vùng dân tộc con được đặt tên: con trai theo họ cha, con gái theo họ mẹ như dân tộc S'tiêng, Chơ Ro. Để đảm bảo phù hợp với Bộ luật Dân sự và tập quán trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khuyến khích áp dụng: “Việc đặt tên cho con của vùng đồng bào dân tộc thiểu số con trai theo họ cha, con gái theo họ mẹ cần có sự thỏa thuận của cả cha và mẹ và phù hợp với quy định pháp luật”.	Các dân tộc trên địa bàn tỉnh
4. Tục hỗ trợ về vật chất của dòng họ trong việc tổ chức lễ cưới	Nếu gia đình bên nhà trai khó khăn, bà con cùng dòng họ tùy khả năng, mỗi người giúp một vài vật phẩm, hoàn toàn tự nguyện, không đòi hỏi về sau phải đền đáp; không có tình trạng vì quá khó khăn mà người con trai phải chịu cảnh cô đơn suốt đời. Tục này mang ý nghĩa thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách của dân tộc Việt Nam.	Chơ Ro, Mường, Phù Lã, Co, Chu Ru, Khơ mú, Ê đê, Tà Ôi, Sán Dìu, Sán Chay, Mông, Gia Rai, Thái, Dao, Mường, Tày, Khmer
5. Lễ giỗ tổ tiên (giỗ theo họ)	Được một người có uy tín trong dòng họ chủ trì, chọn một ngày trong năm để giỗ. Mục đích để con cháu nhớ đến cội nguồn, nhớ đến ông, bà, tổ tiên và đây là dịp để mọi người trong dòng họ trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm trong cuộc sống, công việc với nhau, gắn chặt thêm tình cảm. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương	Kinh, Chơ Ro, Khmer, Hoa, Tày, Nùng, Sán Dìu, Thái, Dao

	của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam; Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 15/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư (khóa XIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	
6. Lễ mừng thọ ông, bà, các bậc cao niên trong dòng tộc	Lễ này được con cháu trong dòng họ tổ chức cho ông, bà, các bậc cao niên theo năm chẵn. Đây là dịp để con, cháu mừng thọ, nhớ ơn và khắc ghi lời dạy bảo của ông, bà. Điều này hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam; Kế hoạch số 76-KH/TU ngày 15/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW ngày 24/6/2021 của Ban Bí thư (khóa XIII) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.	Kinh, Hoa, Chợ Rø, Nùng, Mường, Tày, Mnông, Dao, Gia Rai